



Tuần 48 (28/11-02/12/22) BSC WEEKLY REVIEW

Quan sát P/E một số TTCK khi tạo đáy



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Tăng trên nền tích lũy hướng về ngưỡng tâm lý 1,000 điểm*
2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Quan sát P/E một số TTCK khi tạo đáy*
3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ: *SBV bơm ròng nhẹ tiền qua OMO*
4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index củng cố xu hướng hồi phục với thêm một cây nến chỉ hướng*
5. TIN VĨ MÔ: *Tình hình dịch bệnh tại Trung Quốc vẫn còn căng thẳng*
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Viễn thông 20.87%*
7. DANH MỤC ĐẦU TƯ CƠ BẢN
8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Tăng trên nền tích lũy hướng về ngưỡng tâm lý 1,000 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	971.46	0.22%
GTGD/phiên (tỷ VND)	9,002.93	-7.88%
Khối ngoại (tỷ VND)	1611.97	
HNX-INDEX	196.77	3.09%
GTGD/phiên (tỷ VND)	720.94	-14.12%
Khối ngoại (tỷ VND)	156.99	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	4026.12	-0.03%	1.53%	4.33%
EU (EURO STOXX)	3962.41	0.01%	0.96%	10.51%
China (SHCOMP)	3101.693	0.40%	0.14%	4.21%
Japan (NIKKEI)	28283.03	-0.35%	1.37%	3.79%
Korea (KOSPI)	2437.86	-0.14%	-0.27%	9.07%
Singapore (STI)	3244.55	-0.26%	-0.85%	8.73%
Thailand (SET)	1620.84	-0.25%	0.21%	1.26%
Phillipines (PCOMP)	6606.94	1.17%	2.63%	8.78%
Malaysia (KLCI)	1486.54	-1.02%	2.57%	2.92%
Indonesia (JCI)	7053.15	-0.39%	-0.41%	0.07%
Vietnam (VNIndex)	971.46	2.51%	0.22%	-2.63%

TTCK VIỆT NAM

Các cổ phiếu lớn đang làm nền cho các cổ phiếu hồi phục trên diện rộng

Khối ngoại duy trì đà mua ròng và nhiều cổ phiếu lớn tăng trong phiên giao dịch cuối tuần đã giúp cho VN-Index duy trì 2 tuần tăng điểm liên tiếp. Chỉ số chỉ tăng 0.2% nhưng có đến 259/401 cổ phiếu và 14/19 ngành tăng điểm. Sự ổn định của nhóm cổ phiếu có quy mô vốn hóa lớn đang làm nền cho đà hồi phục trên diện rộng. Ngoài ngành Tài chính vẫn tăng tốt thị trường có sự luân chuyển tăng điểm mạnh ở nhóm Dầu khí và Hàng cá nhân trong khi ngành Bán lẻ, Tiện ích và Bất động lại điều chỉnh sau tuần tăng mạnh. Hoạt động mua ròng mạnh của khối ngoại là điểm sáng trong thời gian qua khi họ đã mua ròng khoảng 336 triệu USD trong tháng 11 và thông tin một quỹ ngoại chuẩn bị giải ngân thêm 160 triệu USD đã giúp tâm lý thị trường tích cực củng cố cho xu hướng hồi phục và cơ hội cho hoạt động giao dịch ngắn hạn. Báo cáo Forbes cho thấy Việt Nam là một trong số ít nền kinh tế vượt qua tác động của đại dịch. GDP bình quân năm 2021 đạt 3,694 USD. Từ 2006 đến 2021, GDP bình quân tăng gần gấp 5 lần. Tăng trưởng GDP bình quân có thể phần lớn do nền kinh tế Việt Nam ngày càng đa dạng hóa với chỉ số phức tạp kinh tế ECI tăng từ vị trí 83 lên 61 trên thế giới. Báo cáo nhấn mạnh GDP bình quân đầu người VN tăng ấn tượng nhất so với tất cả các quốc gia, phản ánh xu hướng năng động và phát triển vượt bậc của nền kinh tế trong những năm qua. Phòng PTNC cho rằng thu nhập bình quân đầu người của VN tăng sẽ là điều kiện quan trọng chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng lĩnh dịch vụ, tiêu dùng và cũng là nền tảng cho sự phát triển các kênh đầu tư đa dạng trong nước, giảm mặt bằng lãi suất trong trung dài hạn.

TTCK THẾ GIỚI

Phổ Wall tăng điểm sau khi công bố biên bản FOMC của FED

Biên bản FOMC cho thấy FED đang đạt tiến bộ trong cuộc chống lạm phát và sẽ làm chậm tốc độ nâng lãi trong cuộc họp tháng 12 và năm 2023. Các chỉ số CK Hoa Kỳ ghi nhận mức tăng bình quân 1.5%. Diễn biến tăng điểm tương đồng trên các TTCK Châu Âu và TTCK Châu Á. Mặc dù gặp bất lợi từ làn sóng covid đạt đỉnh và đóng cửa tại một số thành phố quan trọng, TTCK Trung Quốc vẫn giữ được vùng điểm xung quanh tham chiếu của tuần. Chỉ số USD Index sụt giảm gần 1% kéo theo sự hồi phục của nhiều đồng tiền chủ chốt khác như EUR, GBP, CNY dù vậy USD vẫn tiếp tục tăng giá so với JPY và các đồng tiền khu vực mới nổi và thị trường biên. Nhiều loại hàng hóa cũng giảm giá tuần qua qua ngoại trừ nhóm kim loại quý.

Báo cáo ra ngày 22/11, OECD dự báo tăng trưởng thế giới giảm từ 3.1% năm 2022 xuống còn 2.2% năm 2023 do lạm phát cao, xung đột Nga – Ukraine, niềm tin tiêu dùng suy giảm và nhiều yếu tố khó đoán định. Trước đó, báo cáo tháng 10 IMF cho rằng thế giới ở giai đoạn “rất mong manh”, tăng trưởng ngày một chậm và lạm phát gia tăng và dự báo tăng trưởng 2023 ở mức 2.7%. Năm 2023 sẽ có 25% khả năng tăng trưởng toàn cầu giảm dưới 2% và 1/3 nền kinh tế toàn cầu chứng kiến 2 quý liên tiếp tăng trưởng âm. Báo cáo WB, ADB đều dự báo bức tranh kém tươi sáng trong năm 2023 và đặc biệt chủ tịch WB cảnh báo thế giới đang đối mặt với “làn sóng thứ 5 của cuộc khủng hoảng nợ”; ECB cho biết xác suất suy thoái của Eurozone năm 2023 tăng lên 80%. Trạng thái phong tỏa các Thành phố lớn Trung Quốc trước ca nhiễm tăng kỷ lục vào cuối năm 2022, triển vọng kinh tế thế giới 2023 có thêm gam màu xám.



CHUYÊN MỤC TUẦN: *Quan sát P/E một số TTCK khi tạo đáy*

Trong Chuyên đề tuần 46, BSC đã đưa ra một số chỉ tiêu nhận diện quá trình hình thành đáy của VN-Index trong thị trường giá giảm, trong đó có dấu hiệu của chỉ số định giá P/E. Trong Chuyên đề tuần 48 dưới đây, BSC quan sát diễn biến P/E một số TTCK khi tạo đáy và liên hệ với TTCK Việt Nam.

1. Bức tranh vĩ mô & thị trường khi các TTCK giảm điểm

BSC đã lựa chọn một số quốc gia mà TTCK tại các nước này đều có diễn biến giảm điểm trước những thông tin, yếu tố tiêu cực như khủng hoảng tài chính toàn cầu; vĩ mô, chính trị trong nước bất ổn; sự bùng phát của dịch bệnh Covid-19; hệ quả của cuộc chiến giữa Nga – Ukraine,...

Bảng 1: Bức tranh vĩ mô & thị trường khi các TTCK giảm mạnh

Quốc gia	Thời gian bắt đầu đà giảm	Một số sự kiện diễn ra
Trung Quốc	2007	Khủng hoảng tài chính toàn cầu
	2015	Bong bóng TTCK Trung Quốc vỡ
	2018	Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung
	2020	- Đại dịch Covid-19 toàn cầu - Khủng hoảng kinh tế và chuỗi cung ứng,...
	2021	Thị trường bất động sản đóng băng + chính sách zero-COVID
Thái Lan	1997	Khủng hoảng kinh tế châu Á (1997)
	2007	Khủng hoảng tài chính toàn cầu
	2020	- Đại dịch Covid-19 toàn cầu - Khủng hoảng kinh tế và chuỗi cung ứng,...
Thổ Nhĩ Kỳ	2008	Khủng hoảng tài chính toàn cầu
	2011	Khủng hoảng nợ công châu Âu
	2013	Bất ổn chính trị trong nước
	2015	Bất ổn chính trị trong nước, đồng tiền mất giá khi thị trường kỳ vọng FED tăng lãi suất và dòng tiền ngoại rút ra khỏi thị trường
	2018	Khủng hoảng tiền tệ tại Thổ Nhĩ Kỳ
	2020	- Đại dịch Covid-19 toàn cầu - Khủng hoảng kinh tế và chuỗi cung ứng,...

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research



CHUYÊN MỤC TUẦN: Quan sát P/E một số TTCK khi tạo đáy

Bảng 1: Bức tranh vĩ mô & thị trường khi các TTCK giảm mạnh (tiếp)

Quốc gia	Thời gian bắt đầu đà giảm	Một số sự kiện diễn ra
Hàn Quốc	1990	TTCK Hàn Quốc quay đầu giảm sau thời gian tăng trưởng quá nóng do chính sách thúc đẩy cổ phần hóa quá mức của Chính phủ
	1997	Khủng hoảng kinh tế châu Á (1997)
	2000	Khủng hoảng dot-com
	2007	Khủng hoảng tài chính toàn cầu
	2020	- Đại dịch Covid-19 toàn cầu - Khủng hoảng kinh tế và chuỗi cung ứng, ...
Nga	2021	Covid-19; cuộc chiến Nga - Ukraine; diễn biến vĩ mô thế giới thiếu tích cực; CSTT thắt chặt
	2008	Khủng hoảng tài chính
	2020	- Đại dịch Covid-19 toàn cầu - Khủng hoảng kinh tế và chuỗi cung ứng, ...
Việt Nam	2021	Cuộc chiến Nga - Ukraine; diễn biến vĩ mô thế giới thiếu tích cực
	2007	Khủng hoảng tài chính toàn cầu
	2009	- Khủng hoảng hệ thống ngân hàng trong nước - Lãi suất tiền gửi và cho vay cao đột biến - Thị trường bất động sản đóng băng, mất thanh khoản - Sự kiện ảnh hưởng tới thị trường: bắt Bầu Kiên,...
	2018	- Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung - FED tiếp tục lộ trình nâng lãi suất và bất ổn trên thị trường hàng hóa - đặc biệt là dầu thô
	2020	- Đại dịch Covid-19 toàn cầu; - Khủng hoảng kinh tế và chuỗi cung ứng...
	2022	- Cuộc chiến Nga – Ukraine; diễn biến vĩ mô thế giới thiếu tích cực; CSTT thắt chặt - Cơ quan quản lý Việt Nam chấn chỉnh thị trường TPDN và chứng khoán

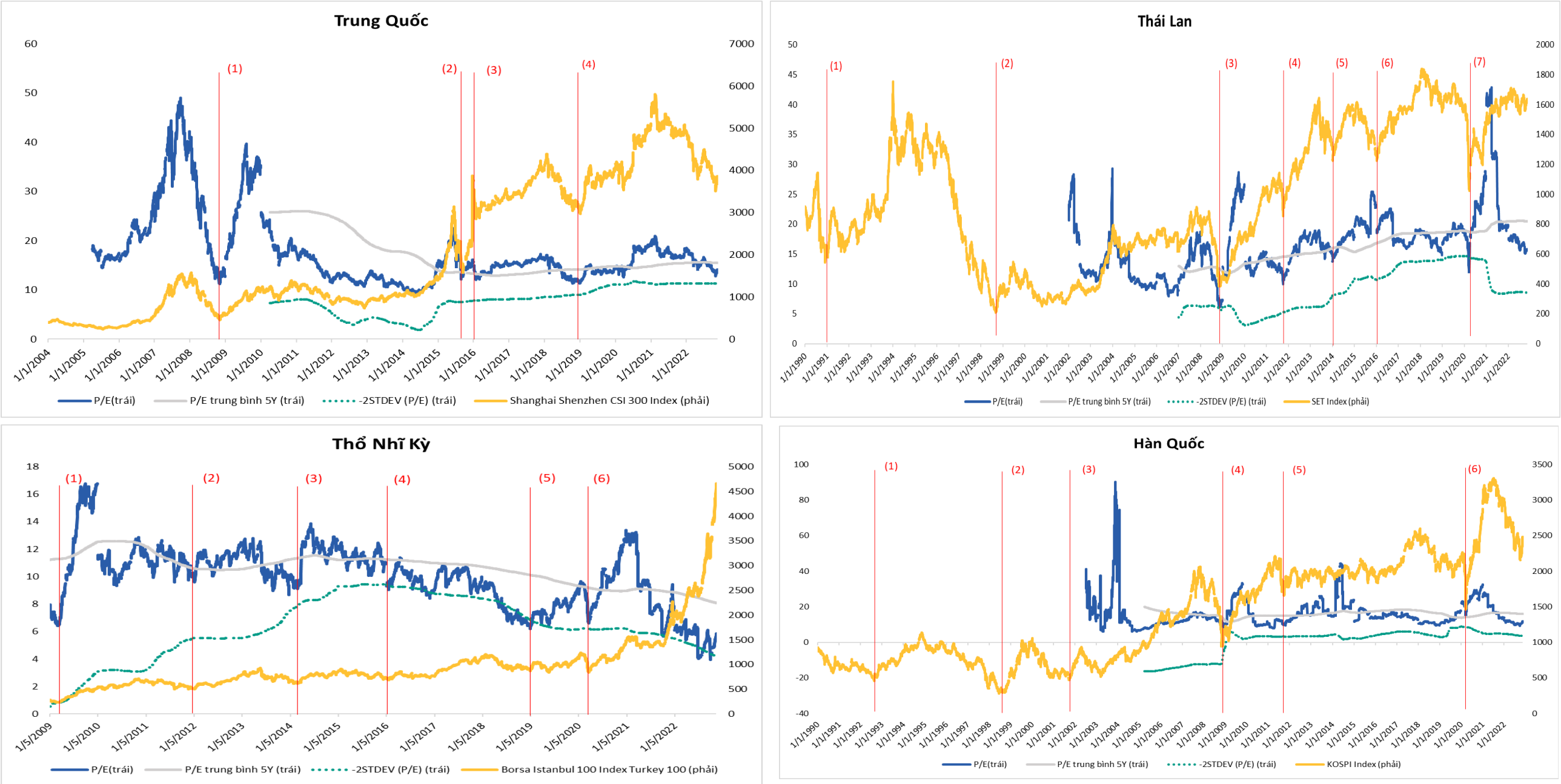
Nguồn: Tổng hợp, BSC Research



CHUYÊN MỤC TUẦN: Quan sát P/E một số TTCK khi tạo đáy

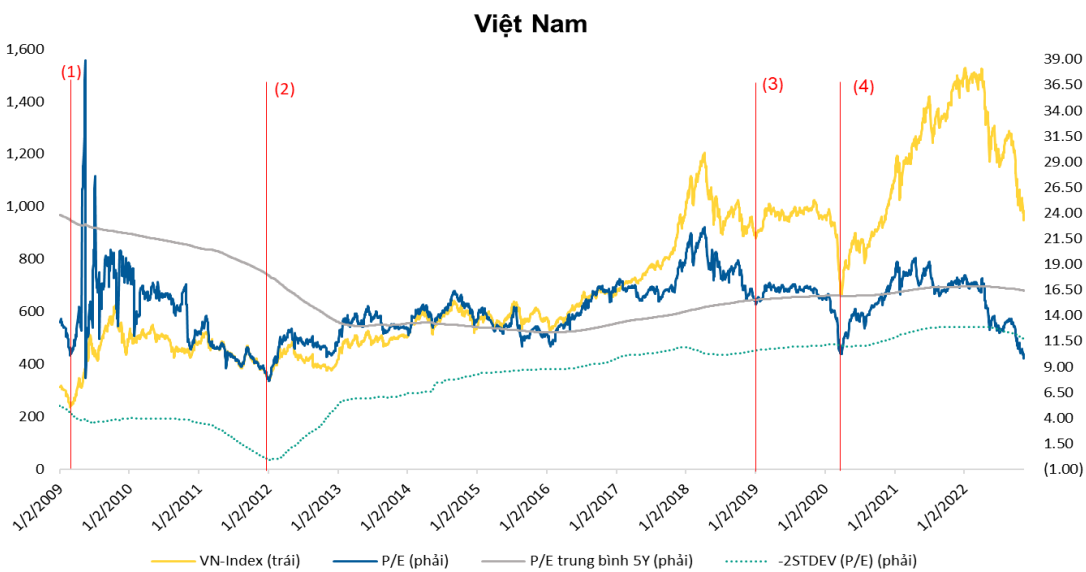
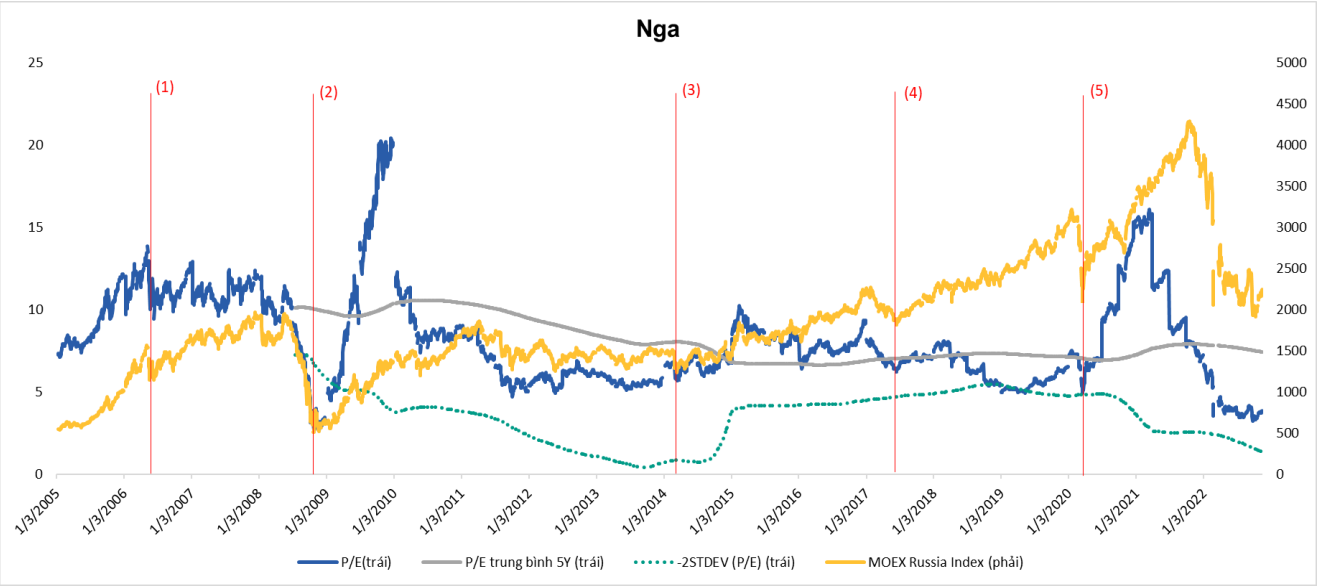
2. Thống kê các giai đoạn tạo đáy của TTCK các nước

Hình 1: Diễn biến giá và P/E của các TTCK khi tạo đáy



CHUYÊN MỤC TUẦN: Quan sát P/E một số TTCK khi tạo đáy

Hình 1: Diễn biến giá và P/E của một số TTCK khi tạo đáy (tiếp)



Nguồn: Tổng hợp, BSC Research

Nhận xét: Sau khi giảm sâu, các TTCK thường có xu hướng hồi phục ngay sau đó. Đứng trước những đà tăng mạnh, chỉ số P/E của các TTCK đều ít nhất nằm dưới mức P/E bình quân 5 năm. Thậm chí trước một số đoạn hồi phục lớn của Thái Lan (giai đoạn 7), Thổ Nhĩ Kỳ (giai đoạn 5), Nga (giai đoạn 2), Và Việt Nam (giai đoạn 4), P/E của TTCK các nước này nằm ở trong vùng định giá ngoài vùng -2std mức P/E bình quân 5 năm, nghĩa là P/E đã giảm xuống rất sâu và khả năng P/E có thể giảm thấp hơn nữa là rất nhỏ. Khi P/E rơi xuống ngoài vùng -2std P/E bình quân 5 năm thì thường bật lên rất nhanh, chỉ số chứng khoán của các nước cũng đảo chiều tăng mạnh.

Hiện tại, P/E của Việt Nam cũng đang ở trong vùng định giá ở ngoài vùng -2std 5 năm, khả năng VN-Index có thể hình thành đáy trong thời gian này và hồi phục trở lại là có thể xảy ra. Tuy nhiên thị trường hiện tại vẫn đang tiềm ẩn nhiều rủi ro vì:

- (1) Trong nước, CSTT thắt chặt: lãi suất điều hành đã được điều chỉnh từ 4% lên 6% trong năm 2022.
- (2) Tâm lý thị trường tiêu cực do những sự kiện vi phạm pháp luật liên quan đến việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp của các doanh nghiệp bất động sản.
- (3) Triển vọng kinh tế vĩ mô toàn cầu không tích cực: toàn cầu vẫn đang trong cuộc chiến chống lạm phát. CSTT thắt chặt của các NHTW trên thế giới năm 2022 đe dọa tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm sau. Bên cạnh đó, Trung Quốc vẫn gần như đóng cửa nền kinh tế do dịch bệnh Covid; giá dầu vẫn có khả năng duy trì ở mức cao khi cuộc chiến Nga – Ukraine chưa có dấu hiệu thuyên giảm và một số quốc gia thuộc OPEC bày tỏ quan điểm sẵn sàng cắt giảm sản lượng để bảo vệ giá dầu.

Báo cáo tham khảo:

- Báo cáo tuần 46: [Link](#)



CHUYÊN MỤC TUẦN: *Quan sát P/E một số TTCK khi tạo đáy*

PHỤ LỤC: Diễn biến các TTCK tạo đáy và tạo đỉnh

Quốc gia	Các đợt giảm giá mạnh	Ngày bắt đầu giảm	Thời gian giảm (năm)	% Giảm	P/E tại đáy	Ngày bắt đầu tăng	Thời gian tạo đỉnh (năm)	% Tăng
Trung Quốc	1	10/9/2007	1.07	-70.54%	11.18	11/4/2008	6.61	587.28%
	2	6/12/2015	0.26	-49.68%	12.67	9/15/2015	0.27	145.32%
	3	12/22/2015	0.10	-26.39%	12.06	1/28/2016	1.99	53.83%
	4	1/24/2018	0.94	-32.46%	11.40	1/3/2019	2.11	95.89%
	5	2/10/2021	nay	-33.98%	Chưa có tín hiệu tạo đáy			*
Thái Lan	1	7/25/1990	0.35	-52.41%		11/30/1990	3.10	222.20%
	2	1/4/1994	4.67	-88.18%		9/4/1998	9.16	341.38%
	3	10/29/2007	1.00	-58.02%	6.16	10/29/2008	2.76	197.84%
	4	8/1/2011	0.18	-25.23%	9.94	10/4/2011	1.63	92.11%
	5	5/21/2013	0.62	-25.48%	13.74	1/3/2014	1.11	31.95%
	6	2/13/2015	0.90	-24.20%	18.49	1/7/2016	2.05	50.14%
	7	1/24/2018	2.16	-44.29%	11.99	3/23/2020	1.91	58.26%
Thổ Nhĩ Kỳ	1	1/3/2008	1.18	-56.94%	6.40	3/9/2009	1.60	204.35%
	2	1/13/2011	0.99	-27.32%	9.59	1/9/2012	0.98	65.19%
	3	5/24/2013	0.83	-30.00%	9.48	5/24/2013	0.92	60.93%
	4	2/2/2015	0.97	-23.57%	9.05	1/21/2016	1.24	61.86%
	5	2/26/2018	1.23	-29.56%	6.45	5/22/2019	0.67	46.45%
	6	1/23/2020	0.16	-31.25%	6.59	3/23/2020	2.65	454.15% *
Hàn Quốc	1	1/20/1990	2.59	-47.41%		8/21/1992	2.24	145.23%
	2	11/15/1994	3.85	-73.58%		9/21/1998	1.29	256.04%
	3	1/4/2000	1.70	-55.74%		9/17/2001	1.56	71.73%
	4	10/30/2007	1.06	-53.78%	9.04	11/20/2008	2.42	131.74%
	5	4/21/2011	0.43	-24.83%	10.4145	9/26/2011	6.35	57.21%
	6	1/29/2018	2.14	-43.90%	14.66	4/21/2011	1.38	125.05%
	7	8/4/2021	nay	-34.07%	Chưa có tín hiệu tạo đáy			*



CHUYÊN MỤC TUẦN: *Quan sát P/E một số TTCK khi tạo đáy*

PHỤ LỤC: Diễn biến các TTCK tạo đáy và tạo đỉnh (tiếp)

Quốc gia	Các đợt giảm giá mạnh	Ngày bắt đầu giảm	Thời gian giảm (năm)	% Giảm	P/E tại đáy	Ngày bắt đầu tăng	Thời gian tạo đỉnh (năm)	% Tăng
Nga	1	5/10/2006	0.09	-29.89%	10.39	6/13/2006	1.59	77.54%
	2	5/30/2008	0.48	-73.15%	2.74	11/21/2008	2.39	257.07%
	3	4/11/2011	2.93	-32.96%	5.74	3/14/2014	2.81	82.95%
	4	1/4/2017	0.44	-19.70%	6.21	6/15/2017	2.61	74.64%
	5	1/22/2020	0.15	-33.45%	4.93	3/18/2020	1.61	101.41%
	6	10/25/2021	nay	-54.95%	Chưa có tín hiệu tạo đáy			*
Việt Nam	1	10/8/2007	0.09	-77.75%	10.44	2/23/2009	0.66	150.54%
	2	10/19/2009	0.48	-45.31%	7.89	1/3/2012	0.33	41.45%
	3	4/2/2018	2.93	-26.59%	15.47	12/28/2018	0.19	13.99%
	4	1/20/2020	0.44	-33.18%	10.28	3/30/2020	0.18	33.76%
	5	4/4/2022	nay	-37.87%	Chưa có tín hiệu tạo đáy			*

(*): Số liệu được cập nhật đến ngày 16/11/2022

Nguồn: Tổng hợp, BSC Research



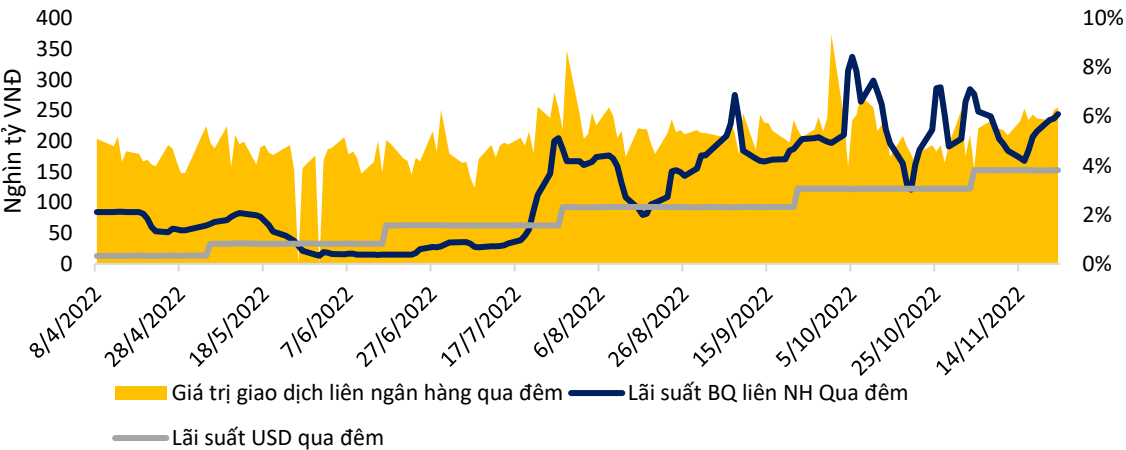
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 40	3/10/2022	7/10/2022	4,702.50	41,691.55	36,989.05
Tuần 41	10/10/2022	14/10/2022	41,691.55	134,853.16	93,161.61
Tuần 42	17/10/2022	21/10/2022	128,158.84	5,386.53	-122,772.31
Tuần 43	24/10/2022	28/10/2022	117,298.82	163,374.26	46,075.44
Tuần 44	31/10/2022	4/11/2022	57,175.16	131,273.45	74,098.29
Tuần 45	7/11/2022	11/11/2022	48,679.93	43,028.10	-5,651.83
Tuần 46	14/11/2022	18/11/2022	98,174.75	43,563.11	-54,611.64
Tuần 47	21/11/2022	25/11/2022	23,028.50	29,408.00	6,379.50

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	5.96%	6.31%	7.41%	8.55%	9.00%	10.04%	8.50%
So với tuần trước	1.22%	0.89%	1.02%	0.76%	0.28%	0.87%	0.17%
KLGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	246,752	6,713	758	775	1,891	222	100
So với tuần trước	2.73%	-25.19%	-82.09%	-24.94%	-3.39%	-58.10%	1.01%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 23/11/2022

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét: Trong tuần 47, 0 nghìn tỷ đồng giá trị tín phiếu được phát hành, ngoài ra SBV thực hiện mua 29.41 nghìn tỷ đồng giá trị giấy tờ có giá. Tổng kết lại, SBV đã bơm ròng nhẹ 6.38 nghìn tỷ đồng qua OMO.

- Lãi suất giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 5.96%
- Khối lượng giao dịch liên ngân hàng bình quân qua đêm: 246.75 nghìn tỷ VNĐ



PTKT VN-INDEX: VN-Index củng cố xu hướng hồi phục với thêm một cây nến chỉ hướng

Đồ thị ngày: Sau nhịp tốt tuần trước, VN-Index mở tuần giao dịch với 4 cây nến doji với thanh khoản giảm dần, qua đó lấp lại gap giá trên 942 điểm. Chỉ số dù vậy kết thúc tuần với một cây nến chỉ hướng hồi phục marubozu với thanh khoản tăng. VN-Index cũng đã tiến sát SMA20 (VN-Index chưa thể vượt SMA20 kể từ 6/9/2022). Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cải thiện cho dù thanh khoản giảm sau nhịp bắt đáy tuần trước. Tín hiệu phân kỳ tiếp tục duy trì trong tuần qua cũng giúp VN-Index tiếp tục củng cố vùng giá sau đáy ngắn hạn.

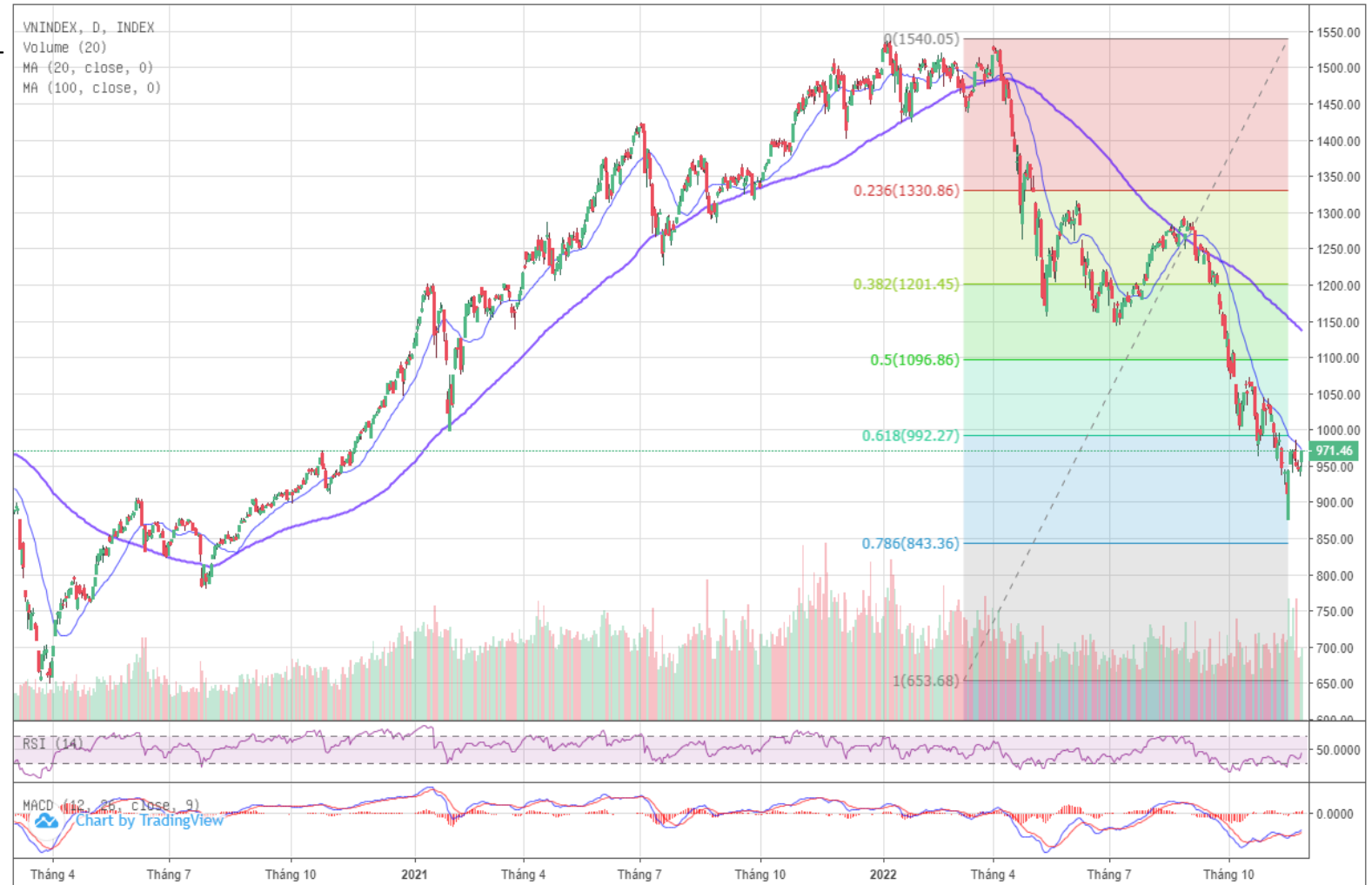
Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng từ 41 lên 45 điểm.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và thu hẹp với mức 0. Thanh khoản có dấu hiệu cải thiện trong phiên tăng điểm.
- VN-Index áp sát SMA20, và nằm dưới SMA100 đồ thị ngày và tuần.

Nhận định: VN-Index đang có những tín hiệu tích cực khi tạo vùng tích lũy trên đáy ngắn hạn và áp sát đường trung bình động SMA 20. Thanh khoản đang bắt đầu cải thiện tích cực theo chiều hướng giảm phiên giảm và tăng trong phiên tăng giá. Chỉ số cần tiếp tục vượt đáy cũ tại 986 điểm (vùng Fibonacci 61.8% chu kỳ trung hạn) để củng cố xu hướng hồi phục hiện tại. Với phiên chỉ hướng cuối tuần, VN-Index đang có nhiều cơ hội để vượt ngưỡng 1,000 điểm để bước tiếp ngưỡng kháng cự tiếp theo tại 1,050 điểm trong một vài tuần tới.

Đồ thị

Published on TradingView.com, November 25, 2022 15:10:01 +07
INDEX:VNINDEX, D 0:955.58 H:971.46 L:947.71 C:971.46



TradingView

Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *Tình hình dịch bệnh tại Trung Quốc vẫn còn căng thẳng*

VIỆT NAM:

- Bộ Tài chính: xây dựng 4 phương án giá dầu thô để linh hoạt áp dụng mức thuế BVMT đối với các mặt hàng xăng, dầu và mỡ nhờn trong năm 2023 mà không phải xin ý kiến UBND.
- Bộ Tài chính: sau buổi làm việc với các CTCK và các DN phát hành trái phiếu ngày 23/11, bộ Tài chính sẽ tiếp tục rà soát khung pháp lý, kể cả Nghị định 65 vừa được ban hành; lắng nghe ý kiến của các doanh nghiệp để có báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và có sự điều chỉnh phù hợp.
- NHNN: vừa có công văn gửi các tổ chức tín dụng, các chi nhánh ngân hàng nước ngoài về tăng trưởng tín dụng năm 2022. Trong đó nêu rõ về việc dư địa tăng tín dụng vẫn còn và sẽ giữ nguyên room 14%.
- NHNN: yêu cầu các tổ chức tín dụng còn hạn mức tăng trưởng tín dụng chủ động cân đối điều hòa nguồn vốn, tỷ lệ đảm bảo an toàn, tích cực giải ngân tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh.
- Bộ GTVT: có văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ về phương án đầu tư dự án mở rộng đường cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây, với số tiền 14,786 tỉ đồng.
- Bộ GTVT: giải ngân được 34,900 tỷ đồng trong T11.2022, đạt 63.4% so với kế hoạch được bổ sung (69.4% so kế hoạch giao đầu năm).
- Bộ Công thương: vừa có văn bản phản hồi Tổng cục Hải quan liên quan đến việc thi hành các quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.
- Tổng cục Hải quan: tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 T11.2022 đạt 28.4 tỷ USD, giảm 6.3% (tương ứng giảm 1.91 tỷ USD) so với kết quả thực hiện trong nửa cuối T10.2022.
- Bộ Xây dựng: sẽ thanh tra quy hoạch xây dựng tại 3 tỉnh; thanh tra hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng hạ tầng tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại, khu đô thị tại 7 tỉnh, thành trong năm 2023.
- EVN: đề xuất khung giá cho điện gió, mặt trời chuyển tiếp: giá phát với điện mặt trời chuyển tiếp gần 1,188-1,570 đồng một kWh, còn điện gió khoảng 1,591-1,945 đồng, tùy loại hình.
- Hà Nội: đang nghiên cứu giải pháp quy hoạch phát triển các khu vực trục không gian sông Hồng, không gian phát triển đô thị hai bên Vành đai 4 và phương án bố trí sân bay thứ 2 của Vùng Thủ đô.
- Pháp mong muốn hỗ trợ Việt Nam các dự án về tài chính xanh, triển khai các hoạt động đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật cũng như phát hành trái phiếu xanh trong thời gian tới.

THẾ GIỚI:

- Biên bản cuộc họp của Fed: Các quan chức Fed nhận thấy tăng trưởng kinh tế của Hoa Kỳ dưới mức tiềm năng vào năm 2024 và 2025.
- Quan chức Fed: Nếu dữ liệu lạm phát không hạ nhiệt, Fed có thể tăng lãi suất lên hơn 5%.
- OECD: nền kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng 3.1% vào năm 2022, 2.2% vào năm 2023.
- Mỹ: Lợi suất trái phiếu kho bạc 10 năm giảm xuống 3.724% và lợi suất trái phiếu kho bạc 2 năm giảm xuống 4.48% sau khi công bố biên bản cuộc họp của Fed.
- Trung Quốc: sau khi báo cáo ca tử vong đầu tiên sau gần 6 tháng, Bắc Kinh đã đưa ra các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát COVID nghiêm ngặt hơn.
- Trung Quốc: Bắc Kinh sẽ thắt chặt các yêu cầu xét nghiệm Covid từ ngày 24/11, trong đó yêu cầu kết quả xét nghiệm âm tính trong vòng 48h với những người muốn vào những nơi công cộng.
- Trung Quốc: các ngân hàng quốc doanh cam kết cung cấp ít nhất 38 tỷ USD tín dụng mới cho nhà phát triển bất động sản.
- EU: các bộ trưởng năng lượng của Liên minh châu Âu vẫn bất đồng về đề xuất của EC liên quan đến trần giá khí đốt.
- ECB: 2 mức tăng lãi suất 50bp và 75bp đều được cân nhắc cho cuộc họp tháng 12, việc tăng lãi suất sẽ tiếp tục qua tháng 3 nếu cần.
- Eurozone: chỉ số niềm tin người tiêu dùng tháng 11 giảm -23.9 điểm, ít hơn so với -26 điểm như dự kiến.
- Đức: PPI tháng 10 giảm -4.2% yoy, đánh dấu mức giảm đầu tiên hàng tháng kể từ tháng 5 năm 2020. Sự sụt giảm này phần lớn là do giá năng lượng giảm -10.4% trong tháng.
- Thống đốc Ngân hàng Trung ương Canada: Nền kinh tế Canada vẫn trong tình trạng vượt cầu và quá nóng.
- New Zealand: thông báo tăng lãi suất cơ bản thêm 75 điểm phần trăm lên 4.25%, mức cao nhất kể từ đầu năm 2009.
- Nhật Bản: Chỉ số CPI cốt lõi của Tokyo đã tăng 3.6% lên 103.6 điểm vào T11.2022, với tốc độ nhanh nhất trong 40 năm trong bối cảnh áp lực lạm phát gia tăng do chi phí nguyên vật liệu cao và đồng Yên yếu.
- Thái Lan: GDP Q3.2022 tăng 4.5% so với cùng kỳ năm ngoái nhờ du lịch phục hồi mạnh mẽ.

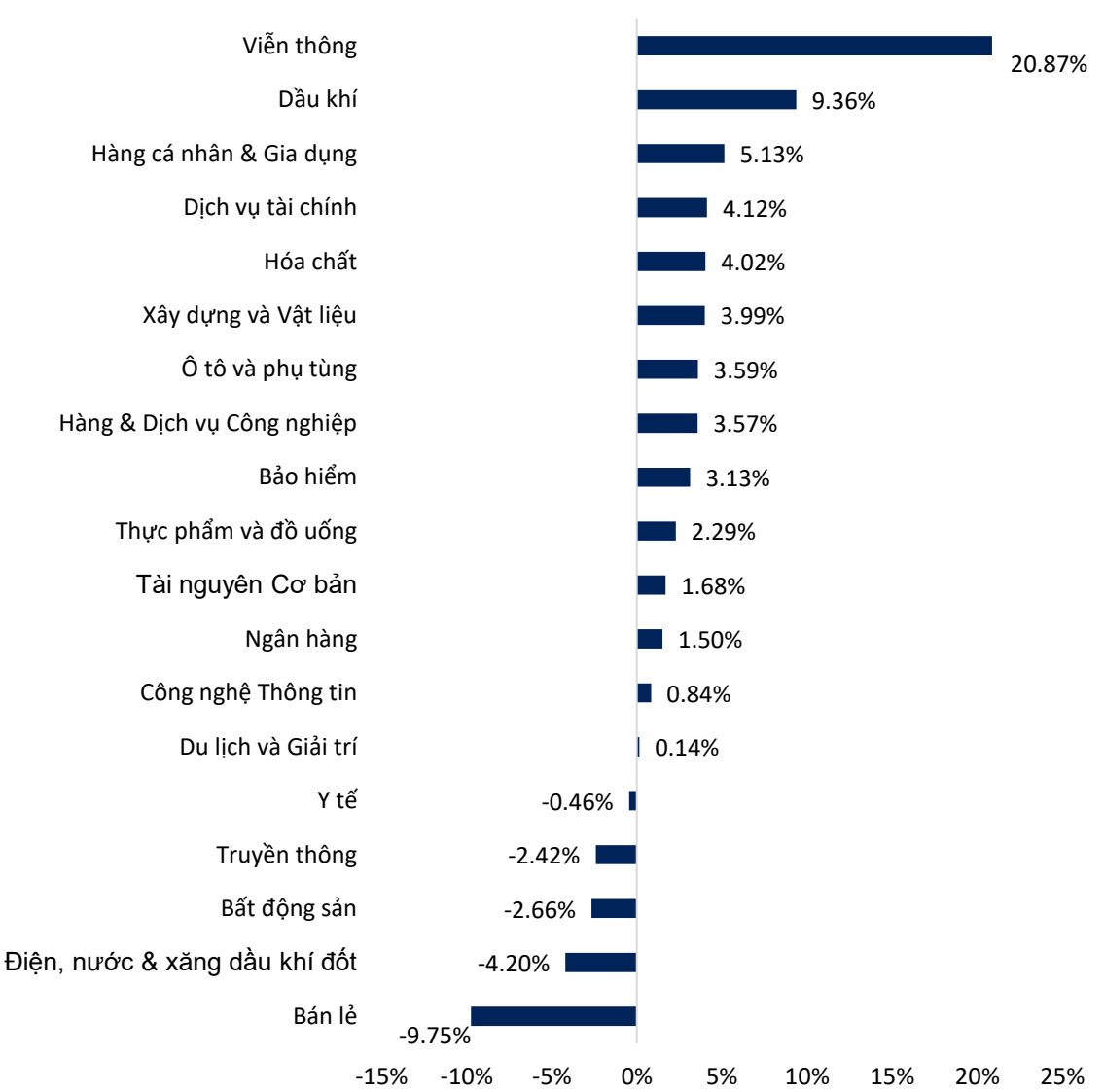
THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Thông tin hỗ trợ liên quan room tín dụng, giải ngân khối ngoại và các giải pháp ổn định TPDN.
- Công bố các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 11/2022.
- Ngày 29/11, Tỷ lệ thất nghiệp, Doanh thu bán lẻ Nhật Bản; GDP Canada; Chỉ số niềm tin tiêu dùng Hoa Kỳ. 30/11, CPI EU; GDP, thay đổi bảng lương phi nông nghiệp và Dự trữ dầu thô Hoa Kỳ; Chỉ số PMI Trung Quốc. 1/12, PMI Anh, EU, Canada, Hoa Kỳ; Cuộc họp OPEC; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 2/12, Tỷ lệ thất nghiệp Hoa Kỳ và Canada.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Viễn thông	9.88%	20.87%	7.75%	VGI	1.26%		
Dầu khí	4.17%	9.36%	-4.34%	PLX	-0.69%	GAS	1.83%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.10%	5.13%	-0.58%	TCM	-2.55%	TNG	-5.97%
Dịch vụ tài chính	6.81%	4.12%	-2.26%	SSI	-3.46%	HCM	7.81%
Hóa chất	3.82%	4.02%	-11.09%	DRC	-9.62%	DGC	-8.27%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	76.28	-2.31%	-4.78%	-12.00%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	83.91	-1.68%	-4.23%	-10.53%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	2.36	-3.65%	-2.61%	-8.53%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	USD/oz.	1,756.12	0.07%	0.36%	5.51%		PNJ
Bạc	USD/oz.	21.45	-0.27%	2.56%	9.33%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,436.25	0.02%	0.56%	3.10%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	775.50	-2.21%	-3.45%	-7.73%		AFX
Sữa	USD/cwt	21.04	0.05%	0.29%	-3.49%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	126.10	-0.47%	-2.02%	3.11%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	2,389.00	-0.33%	-0.95%	4.87%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USd/lb.	162.30	1.15%	7.27%	-9.71%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	3.61	-0.42%	-0.86%	1.02%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3,721.00	-0.19%	-0.59%	1.95%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2,365.50	-0.08%	-2.65%	1.31%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	101.50	2.53%	2.01%	9.14%		HPG
Than đá	USD/MT	362.00	4.10%	8.19%	-6.74%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	3790	-0.37%	-0.18%	4.58%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
BID	11.27%	5.15
VNM	6.75%	2.73
GVR	11.11%	1.36
CTG	4.45%	1.33
PLX	12.55%	1.02
STB	10.53%	0.85
MBB	3.18%	0.57
POW	7.43%	0.44
PNJ	6.09%	0.38
SHB	5.89%	0.37
Tổng		14.20

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
GAS	-8.31%	-4.57
NVL	-30.09%	-4.31
VCB	-4.44%	-4.04
MWG	-10.32%	-1.60
VHM	-2.08%	-1.10
PDR	-29.70%	-0.92
VIC	-0.91%	-0.58
BCM	-2.73%	-0.55
DGC	-8.20%	-0.43
MSN	-1.26%	-0.43
Tổng		-18.53

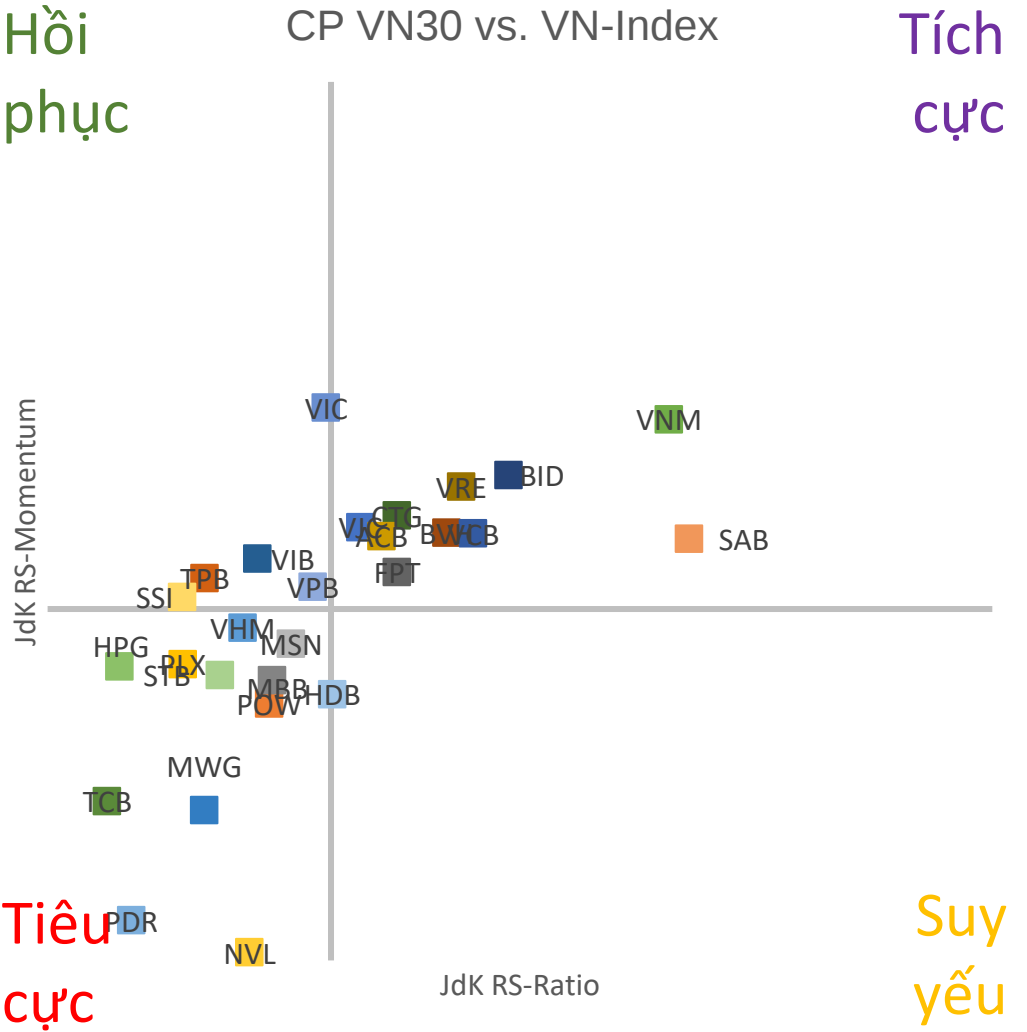
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
VNM	285.95	
FUEVFN	248.23	
HPG	174.47	19.33
BID	165.19	16.92
MSN	137.63	29.56
VIC	126.16	12.03
CTG	120.74	26.83
VHM	115.91	22.94
SSI	104.57	34.25
STB	101.64	20.25
Tổng	1,580.50	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
DGC	-242.94	15.34
NVL	-207.36	5.20
VCB	-84.59	23.58
DXG	-74.31	26.75
GAS	-61.12	2.98
E1VFN3	-49.60	
DIG	-47.51	3.41
PC1	-33.28	4.91
FTS	-32.68	27.36
GEX	-31.98	8.25
Tổng	-865.36	

Vận động cổ phiếu VN30			
VJC	101.5609	102.3217	-20.18%
VNM	117.9018	105.3929	8.99%
BVH	106.1161	102.1614	-11.50%
FPT	103.5041	101.0441	-14.25%
VRE	106.9067	103.4741	-8.45%
BID	109.4099	103.8015	-15.91%
CTG	103.5013	102.6557	-14.78%
SAB	118.9635	101.9904	-5.94%
ACB	102.6847	102.0641	-19.88%
VCB	107.5219	102.1489	-11.90%
GAS	111.9979	103.0306	-2.37%
VIB	96.11297	101.4271	-24.04%
VIC	99.7424	105.7296	-20.26%
TPB	93.31943	100.8707	-25.78%
SSI	92.1336	100.3386	-37.47%
VPB	99.03931	100.6252	-15.53%
HDB	100.0782	97.57037	-28.17%
VHM	95.33068	99.46398	-27.41%
POW	96.73912	97.30655	-29.75%
KDH	84.4284	94.00363	-44.65%
PLX	92.16993	98.42518	-32.08%
PDR	89.43715	91.13355	-35.79%
MSN	97.8946	99.00362	-24.73%
NVL	95.69954	90.22318	-28.00%
HPG	88.81673	98.35793	-38.45%
MWG	93.29995	94.27047	-28.60%
MBB	96.88589	97.96461	-21.03%
TCB	88.16084	94.52569	-34.28%
GVR	84.46973	91.95026	-43.71%
STB	94.12957	98.1106	-33.33%

Hồi
phục

Tích
cực



Nguồn: Bloomberg

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- Tích cực → nên trong danh sách mua
- Suy yếu → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- Tiêu cực → nên trong danh sách tránh
- Hồi phục → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng



DANH MỤC ĐẦU TƯ CƠ BẢN

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tải báo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	21.5	19.1	12.57%	24.4	13.49%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	82	74.7	9.77%	90	9.76%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	74.9	75	-0.13%	94.2	25.77%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	13.5	13.6	-0.74%	18.7	38.52%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	45	37.7	19.36%	51.2	13.78%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	12.6	10.6	18.87%	14.1	11.90%	Click
7	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	19.4	17.1	13.45%	28	44.33%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	72	65.9	9.26%	84.6	17.50%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	59	59.8	-1.34%	75.3	27.63%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	12.5	12.2	2.46%	15.7	25.60%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	32.00	29.00	10.34%	43.40	35.62%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	17.7	16.7	5.99%	18.1	2.26%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	19	19	2.12%	24	22.28%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	37.8	37.9	-0.26%	50.3	33.07%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	106.2	94.1	12.86%	118.9	11.96%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	10.85	10.45	3.83%	13	19.82%	
17	PVD	Dầu khí	HSX	Mua	13.5	13.6	-0.74%	19.7	45.93%	Click
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	19.4	19.1	1.57%	28	44.33%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	18.3	17.5	4.57%	19.9	8.74%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	12.2	12	1.67%	16	31.15%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	70.4	70.2	0.28%	86	22.16%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	73.1	75	-2.53%	90.3	23.53%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	38	34.9	8.88%	48	26.32%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	59.8	74.9	-20.16%	87.2	45.82%	Click
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	82.2	77	6.75%	85.9	4.50%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	27.4	25	9.60%	31.8	16.06%	

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

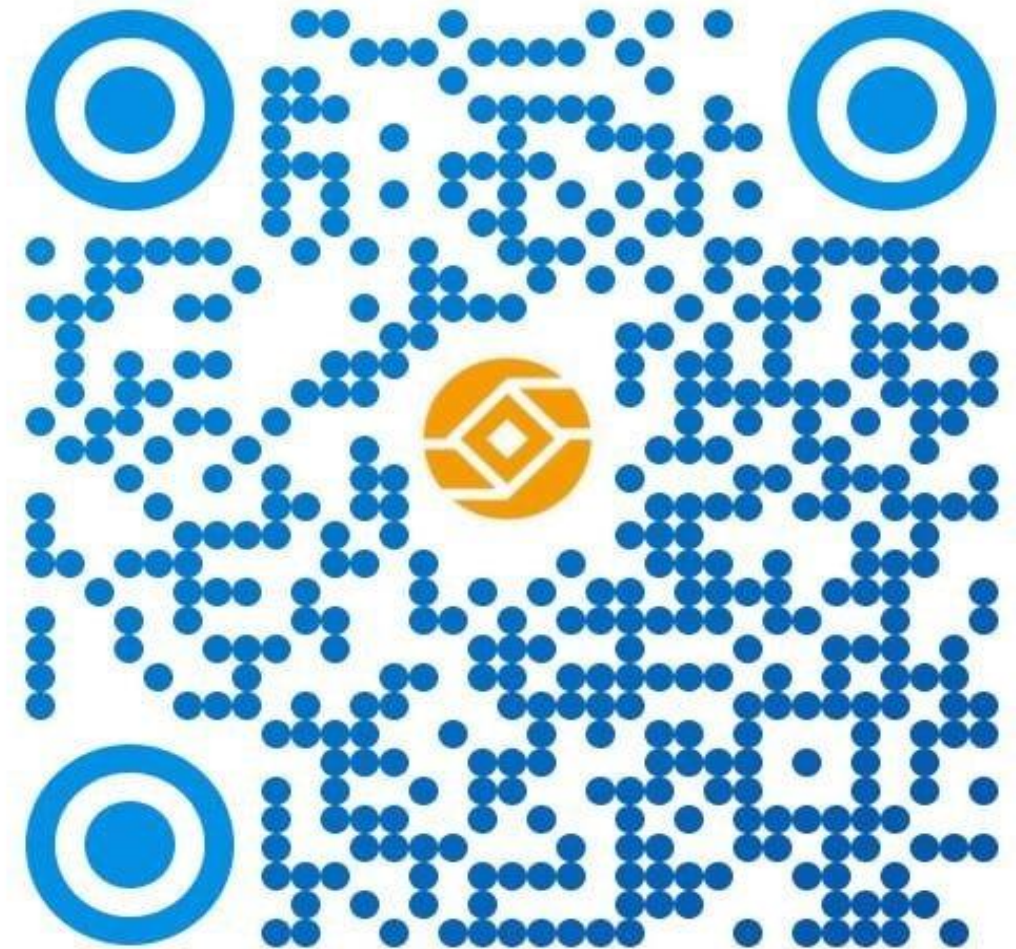
Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

